Market Highlight

31 March 2014

HOSE 31/03/2014

VNINDEX	591.57	-2.72	-0.46%

KLGD	119,514,830	CP
GTGD	2,098.74	Tỷ
GTR NDTNN	99.66	Tỷ
CP Tăng giá	70	CP
CP Giảm giá	171	CP
CP Đứng giá	63	CP

HNX 31/3/2014

HNXINDEX	89.44	-0.60	-0.67%

KLGD	116,942,790	CP
GTGD	1,523.81	Tỷ
GTR NDTNN	12.35	Tỷ
CP Tăng giá	84	CP
CP Giảm giá	153	CP
CP Đứng giá	142	CP

VN30 & HNX30 INDEX

VN30	670.43	-5.88	-0.87%
HNX30	184.00	-0.96	-0.52%

VietinBankSc
306 Ba Trieu
Hai Ba Trung
Hanoi
Vietnam
Tel: (844) 3974 7952
Fax: (844) 3974 1760
www.vietinbanksc.com.vn

Tâm điểm

- **Giao dịch cân bằng, dòng tiền đang phân hóa dần**
- **Thanh khoản thị trường gia tăng nhẹ trong phiên hôm nay**
  Tổng giá trị giao dịch đạt mức khoảng 3,500 tỷ đồng.
- **Tính đến 15/3, bội chi ngân sách 27.5 nghìn tỷ đồng, bằng 12.28%**
  Tổng thu NSSN ước đạt 157.1 nghìn tỷ, tổng chi NSNN ước đạt 184.6 nghỉn tỷ đồng
  Thời báo Ngân hàng
- **Xuất khẩu đồ gỗ tăng mạnh, đạt 1.4 tỷ USD**
  Tổng kim ngạch thương mại hai chiều trong 2 tháng đầu năm ước đạt 4.9 tỉ USD
  VOVonline
- **Năm 2025, GDP của Việt Nam sẽ tăng trưởng 13.6%**
  Theo nhận định của giáo sư Robert Z Lawrence, trường Harvard Kennedy School
  Trí Thức Trẻ
- **DVP: Đặt kế hoạch 195 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế**
  So năm 2013, kế hoạch kinh doanh năm nay của DVP sụt giảm nhẹ
  Đầu tư Chứng khoán
- **PNJ: Thông qua kế hoạch lợi nhuận 202 tỷ đồng năm 2014**
  Trong năm 2014, RPNJ đặt kế hoạch tổng doanh thu và LNST đều tăng trưởng 20%
  Trí Thức Trẻ

Thị trường / Ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Theo thị trường					
HOSE	1,047,965	14.3	3.1	22.3%	11.1%
HNX	141,147	21.4	1.7	8.7%	3.8%
Toàn bộ thị trường	**1,189,112**	**15.4**	**3.0**	**21.2%**	**10.3%**
Theo ngành					
Nhựa, cao su & sợi	7,946	7.0	1.0	15.9%	10.2%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	23,861	8.0	1.8	24.3%	18.0%
Thép và sản phẩm thép	35,412	18.3	2.0	17.5%	7.0%
Khai khoáng	12,699	46.8	4.8	3.6%	2.7%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	21,941	23.3	1.5	15.1%	8.7%
Xây dựng	34,957	- 44.8	1.3	0.9%	1.1%
Máy công nghiệp	9,547	9.3	1.5	21.3%	12.8%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	9,889	13.1	1.6	17.2%	12.3%
Lốp xe	7,249	9.0	2.5	30.0%	13.7%
Nuôi trồng nông & hải sản	14,091	15.6	1.2	10.5%	5.1%
Thực phẩm	214,638	24.0	5.5	24.2%	18.2%
Dược phẩm	16,513	13.3	3.5	26.8%	17.3%
Phần mềm	19,735	12.1	2.7	23.6%	10.0%
Sản xuất & phân phối điện	23,574	7.8	1.3	18.6%	9.0%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	163,026	12.4	4.5	39.9%	25.2%
Bảo hiểm nhân thọ	31,234	28.5	2.6	9.0%	2.2%
Môi giới chứng khoán	28,806	26.8	1.6	6.9%	5.1%
Ngân hàng	270,384	12.1	1.4	11.6%	0.9%
Bất động sản	155,589	15.7	3.0	27.8%	6.0%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	38,011	9.9	2.0	21.6%	8.3%

Thống kê thị trường

- HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Vui lòng tham khảo điều khoản sử dụng ở trang cuối

VietinBankSc © 2013

Sac Q. Nguyen
sacnq@vietinbanksc.com.vn

Tin kinh tế

Tính đến 15/3, bội chi ngân sách 27.5 nghìn tỷ đồng, bằng 12.28%

Theo Tổng cục Thống kê, tổng thu ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/3 ước đạt 157.1 nghìn tỷ đồng, bằng 20.1% dự toán năm. Trong đó thu nội địa 109,9 nghìn tỷ đồng, bằng 20.4%; thu từ dầu thô 20,5 nghìn tỷ đồng, bằng 24.1%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu 26.1 nghìn tỷ đồng, bằng 16.9%. Tổng chi ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/3 ước đạt 184.6 nghìn tỷ đồng, bằng 18.3% dự toán năm. Như vậy, Tính đến giữa tháng 3 năm 2014, bội chi ngân sách 27.5 nghìn tỷ đồng, bằng 12.28% .

Xuất khẩu đồ gỗ tăng mạnh, đạt 1.4 tỷ USD

Theo ước tính của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, giá trị xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ tháng 3 đạt 490 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu 3 tháng đầu năm đạt 1.4 tỷ USD, tăng 20.1% so với cùng kỳ năm 2013.Hoa Kỳ và Trung Quốc là 2 thị trường nhập khẩu mặt hàng này lớn nhất của Việt Nam, chiếm 52.89% tổng giá trị xuất khẩu. Hiệp hội Gỗ và lâm sản Việt Nam (VIFORES) cho biết, mục tiêu xuất khẩu của ngành chế biến gỗ đặt ra trong năm 2014 là 6-6.2 tỷ USD do năm nay được dự báo là ngành có sự tăng trưởng đầy triển vọng.

Năm 2025, GDP của Việt Nam sẽ tăng trưởng 13.6%

Tại Hội thảo quốc tế về Cải cách Kinh tế vì tăng trưởng bao trùm và bền vững: Kinh nghiệm Quốc tế và Bài học đối với Việt Nam do Bộ Ngoại giao, UNDP tổ chức trong hai ngày 24-25 tháng 3 tại Hà Nội, giáo sư Robert Z Lawrence, trường Harvard Kennedy School cho rằng Việt Nam sẽ được hưởng tăng trưởng kinh tế và thương mại rất lớn khi tham gia Hiệp ước xuyên Thái Bình Dương TPP và GDP của Việt Nam có thể đạt tới 13,6% vào năm 2025, cao hơn nhiều so với 0.4% của Mỹ, 2.2% của Nhật Bản, 1.4% của Peru, và 6.15% của Malaysia.

Sac Q. Nguyen
sacnq@vietinbanksc.com.vn

Tin doanh nghiệp

HAG: Đặt kế hoạch lãi sau thuế 2014 tăng 50%

HĐQT CTCP Hoàng Anh Gia Lai (HOSE: HAG) thống nhất đặt kế hoạch lợi nhuận sau thuế 1,460 tỷ đồng, tăng 50% so với thực hiện năm trước. Tỷ lệ cổ tức dự kiến 10-15% bằng tiền mặt. Được biết, doanh thu và lợi nhuận sau thuế năm 2013 của HAG đạt 2,771 tỷ và 972 tỷ đồng, cao gấp 2.5 lần so với lợi nhuận năm trước. Tính đến cuối năm 2013, nợ vay của HAG ở mức 14,258 tỷ và tổng tài sản 29,813 tỷ đồng. HĐQT công ty sẽ trình cổ đông chia cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 10:1 từ lợi nhuận sau thuế năm 2013.

DVP: Đặt kế hoạch 195 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế

Theo tài liệu họp ĐHCĐ thường niên năm 2014 của CTCP Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ (HOSE: DVP), năm 2014, Công ty đặt kế hoạch 500 tỷ đồng doanh thu, lợi nhuận trước thuế 195 tỷ đồng, cổ tức 20%.So với mức thực hiện năm 2013, kế hoạch kinh doanh năm nay của Công ty sụt giảm nhẹ. Năm ngoái, DVP đạt 522.76 tỷ đồng doanh thu, 209.741 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế.Theo Ban lãnh đạo Công ty, năm 2014, do xuất hiện thêm một số cảng tư nhân trong khu vực Hải Phòng, nên tính cạnh tranh ngày một khốc liệt, dẫn tới sản lượng, doanh thu của Công ty có thể sụt giảm.

PNJ: Thông qua kế hoạch lợi nhuận 202 tỷ đồng năm 2014

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (HOSE: PNJ) công bố Nghị quyết ĐHCĐ thường niên 2014 đã diễn ra ngày 29/3/2014. Năm 2013, PNJ thực hiện 82% kế hoạch LNST hợp nhất, đạt 169 tỷ đồng. ĐHCĐ đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2013 với mức chia cổ tức 20%, trong đó 10% đã được tạm ứng trong năm. Kế hoạch kinh doanh năm 2014 được đề ra với các chỉ tiêu tăng trưởng từ 10 - 20% so với mức thực hiện năm 2013. Trong đó, chỉ tiêu Tổng doanh thu và LNST đều tăng trưởng 20%, lần lượt đạt 9,124 tỷ đồng và 202.5 tỷ đồng. Mức cổ tức được giữ nguyên 20%.

Market Highlight

HOSE	31/03/2014	VNINDEX	591.57	-2.72	-0.46%	119,514,830 CP	2,098.74 bil VND

Giao dịch cân bằng, dòng tiền đang phân hóa dần

VN-Index giảm 2.72 điểm (-0.46%), đóng cửa tại mức 591.57 điểm. VN-Index hình thành cây nến đỏ, thân nến dài vừa phải, giảm điểm nhẹ, chỉ số đóng cửa ở mức thấp nhất phiên.

- MACD Histogram tiếp tục giảm mạnh về đường zero-base.
- Stochastic Oscillator gia tăng và cho tín hiệu mua trở lại, đây là tín hiệu khá tích cực.
- RSI sụt giảm nhẹ và ở mức 54.
- DI+, DI- vẫn chưa cho tín hiệu cắt nhau. Nếu DI+ cắt DI- thì tín hiệu thị trường ngắn hạn khá rủi ro.

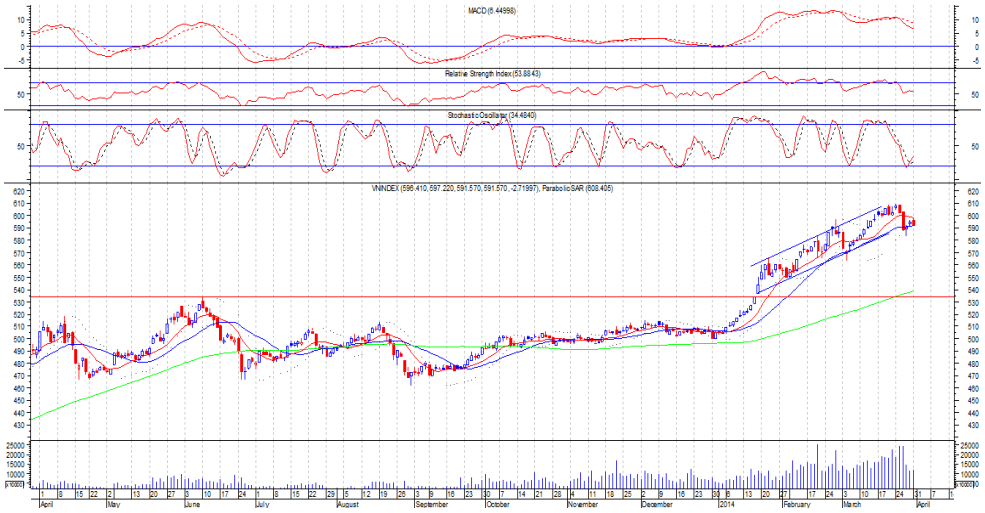

HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	-0.8 (-5.7%)	12,133,840
ITA	-0.5 (-4.7%)	11,498,050
SSI	0.5 (1.7%)	5,734,500
OGC	-0.4 (-3.0%)	4,181,690
HQC	-0.2 (-2.0%)	3,226,670

HOSE Top 5 theo % tăng

KHP	1 (6.9%)	1,258,160
PXM	0.2 (6.9%)	18,860
CCI	0.8 (6.8%)	20
TV1	0.9 (6.7%)	1,800
NLG	1.3 (6.6%)	966,180

HOSE Top 5 theo % giảm

FDC	-2.1 (-7.2%)	52,340
TNT	-0.3 (-7.0%)	528,270
VSI	-0.6 (-7.0%)	350
C47	-1.5 (-6.9%)	1,860
HAR	-0.8 (-6.8%)	2,713,520

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

KDC	77,5	tỷ	1,221,060
PVD	6,2	tỷ	74,190
DPR	6,2	tỷ	139,800
BID	5,5	tỷ	326,950
HAG	5,3	tỷ	189,450

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

DPM	-4,4	tỷ	102,220
BVH	-4,0	tỷ	88,760
VIC	-3,9	tỷ	53,420
IJC	-3,6	tỷ	255,750
VSH	-3,3	tỷ	190,920

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	1,728,910	99.66

Nhận định / Bình luận thị trường

- TT giao dịch cân bằng trong phần lớn phiên giao dịch, nhóm CP chứng khoán tăng giá tích cực. Lực bán cuối phiên khiến VN-Index đóng cửa thấp nhất phiên.
- Khối lượng giao dịch tương đương phiên trước, đạt 117 triệu đơn vị, thấp hơn rất nhiều so với bình quân 20p gần đây.
- Thị trường đang có xu hướng tăng giảm đan xen và tích lũy ở vùng MA20. Trường hợp giảm điểm, ngưỡng hỗ trợ tiếp theo tại vùng 576 - 580 điểm.
- Khối ngoại mua ròng 99,6 tỷ trong phiên hôm nay. Áp lực bán của khối ngoại có thể sẽ giảm dần trong thời gian tới.
- NĐT giữ trạng thái CP và tiền mặt ở mức 50 - 50. Việc mua thêm chỉ nên cân nhắc các mã có yếu tố cơ bản hỗ trợ và đã điều chỉnh 10 - 15% giai đoạn vừa rồi.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	83.5	158,232.50	12.6	4.7	40.8%	25.9%
VNM	833.5	141.0	117,518.86	18.0	6.7	39.6%	30.7%
VCB	2,317.4	30.8	71,376.45	16.4	1.7	10.4%	1.0%
MSN	734.9	97.0	71,286.40	162.8	4.9	3.0%	1.0%
VIC	908.8	73.5	66,794.05	10.0	4.7	54.2%	10.3%
CTG	3,723.4	16.9	62,925.54	9.4	1.2	13.2%	1.1%
BID	2,811.2	16.8	47,228.20	11.0	1.5	13.8%	0.8%
BVH	680.5	45.1	30,689.26	28.5	2.6	9.0%	2.2%
PVD	275.3	83.0	22,846.42	11.2	2.3	22.3%	9.3%
STB	1,142.5	19.9	22,735.98	10.3	1.4	14.5%	1.4%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	232.6	15.9	3,698.34	15.7	1.3	NA	TH.DOI
PPC	318.2	23.4	7,444.82	4.6	1.4	NA	TH.DOI
PHR	78.5	31.1	2,441.04	6.6	1.1	NA	TH.DOI
BMP	45.5	79.0	3,592.80	9.8	2.4	NA	TH.DOI
VSC	28.6	71.0	2,033.87	8.5	2.3	NA	TH.DOI
DPM	379.9	43.1	16,375.17	7.5	1.8	NA	TH.DOI

Market Highlight

HNX	31/03/2014	HNX-Index	89.44	-0.60	-0.67%	116,942,790 CP	1,523.81 bil. VND

Giao dịch cân bằng, dòng tiền đang phân hóa dần

Chỉ số HNX-Index giảm 0.6 điểm (-0.67%), đóng cửa tại mốc 89.44 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến đỏ, thân nến ngắn, giảm điểm nhẹ.

- MA10, MA20 đi ngang và vẫn đang đóng vai trò hỗ trợ khá tốt cho thị trường giai đoạn vừa rồi.
- Chỉ báo Stochastic Oscillator tiếp tục lao dốc khá mạnh.
- MACD có dấu hiệu dừng đà giảm và nhiều khả năng cho tín hiệu mua trở lại vào phiên tiếp theo.
- RSI (14) sụt giảm về mức 65.

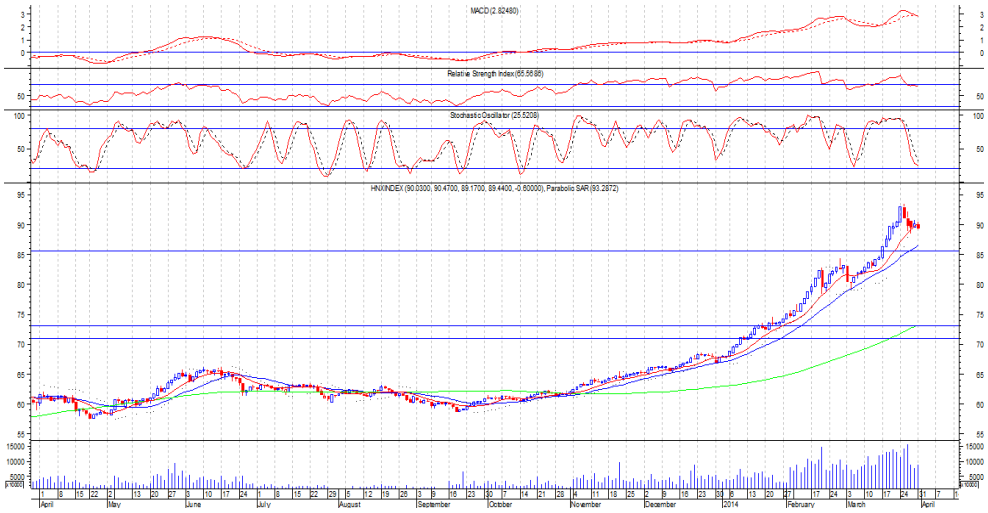

HNX Top 5 theo KLGD

PVX	0.3 (4.5%)	15,167,600
KLS	0.4 (2.7%)	11,202,530
SHB	-0.3 (-2.6%)	5,462,560
SCR	-0.3 (-2.5%)	4,602,700
SHS	0.3 (3.0%)	4,392,210

HNX Top 5 theo % tăng

CTB	2 (10.0%)	200
CVN	0.5 (10.0%)	332,200
VHH	0.4 (10.0%)	8,200
TET	1 (9.9%)	12,200
VBC	3.8 (9.9%)	26,000

HNX Top 5 theo % giảm

BHV	-0.9 (-10.0%)	600
SJM	-0.3 (-10.0%)	280,200
VNN	-0.5 (-10.0%)	13,500
PSD	-5.2 (-9.9%)	300
PRC	-1.7 (-9.8%)	100

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PGS	13,4	tỷ	362,000
BVS	2,6	tỷ	139,000
VND	1,7	tỷ	95,500
PVC	1,0	tỷ	53,500
VCS	0,9	tỷ	45,043

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

KLS	-4,5	tỷ	295,000
PVS	-2,8	tỷ	95,962
SHB	-1,7	tỷ	149,200
TNG	-0,4	tỷ	25,500
EID	-0,3	tỷ	25,900

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	246,049	12.35

Nhận định / Bình luận thị trường

- TT giao dịch cân bằng trong phần lớn phiên giao dịch, nhóm CP chứng khoán tăng giá tích cực. Lực bán cuối phiên cũng khiến HNX-Index đóng cửa thấp.
- Khối lượng giao dịch tăng nhẹ so với phiên trước, đạt 88 triệu đơn vị, nhưng vẫn thấp hơn rất nhiều so với bình quân 20p gần đây.
- Thị trường đang có xu hướng tăng giảm đan xen và tích lũy ở vùng MA10 - MA20. Trường hợp giảm điểm, ngưỡng hỗ trợ tiếp theo tại vùng 82 - 86 điểm.
- Khối ngoại mua ròng 12,3 tỷ trong phiên hôm nay. Áp lực bán của khối ngoại có thể sẽ giảm dần trong thời gian tới.
- NĐT giữ trạng thái CP và tiền mặt ở mức 50 - 50. Việc mua thêm chỉ nên cân nhắc các mã có yếu tố cơ bản hỗ trợ và đã điều chỉnh 10 - 15% giai đoạn vừa rồi.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	921.5	17.1	15,757.91	19.2	1.3	6.6%	0.5%
PVS	446.7	29.3	13,088.32	8.1	1.6	21.7%	7.0%
SHB	886.1	11.1	9,835.53	13.3	1.0	7.6%	0.6%
SQC	110.0	78.2	8,602.00	- 415.6	6.4	-1.5%	-1.2%
VCG	441.7	16.3	7,199.88	13.4	1.3	10.1%	2.1%
OCH	200.0	31.0	6,200.00	34.1	2.9	8.1%	3.6%
PVI	225.4	21.0	4,733.70	14.4	0.8	5.4%	2.9%
LAS	77.8	47.6	3,704.80	8.3	2.7	34.3%	16.1%
NTP	43.3	71.9	3,116.00	10.8	2.5	24.8%	16.7%
VNR	100.8	30.5	3,075.24	10.4	1.3	12.7%	6.9%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	37.1	1,409.80	7.8	1.5	NA	TH.DOI
AAA	19.8	23.8	471.24	8.4	0.9	NA	TH.DOI
VND	96.9	18.1	1,754.55	14.0	1.4	NA	TH.DOI
NTP	43.3	71.9	3,116.00	10.8	2.5	NA	TH.DOI
LHC	2.0	65.7	131.40	3.1	1.2	NA	TH.DOI
DXP	7.9	48.0	378.00	7.2	1.7	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	71,286.40	15.35%	97.0	162.75	4.89	1,118,139	687,367	397,596
VIC	HOSE	908.8	66,794.05	14.46%	73.5	9.99	4.65	731,629	498,710	323,333
HPG	HOSE	419.1	22,209.78	11.74%	53.0	11.37	2.34	1,578,877	1,021,413	748,353
PVD	HOSE	275.3	22,846.42	8.68%	83.0	11.18	2.31	843,789	668,067	472,699
DPM	HOSE	379.9	16,375.17	8.01%	43.1	7.45	1.77	905,688	782,458	761,006
HAG	HOSE	718.2	20,180.15	7.98%	28.1	20.41	1.56	5,811,523	5,360,832	4,417,180
VCB	HOSE	2,317.4	71,376.45	6.11%	30.8	16.38	1.68	1,264,919	1,093,289	1,078,498
STB	HOSE	1,142.5	22,735.98	4.13%	19.9	10.26	1.36	2,099,373	1,625,602	972,578
BVH	HOSE	680.5	30,689.26	3.08%	45.1	28.50	2.58	705,063	615,642	547,467
ITA	HOSE	718.1	7,252.56	2.71%	10.1	145.60	0.98	14,996,085	12,985,345	9,852,447
HSG	HOSE	96.3	5,200.91	2.68%	54.0	9.36	2.25	364,160	317,676	342,569
GMD	HOSE	114.4	3,913.22	2.26%	34.2	28.62	0.89	740,389	567,118	507,190
PPC	HOSE	318.2	7,444.82	2.03%	23.4	4.64	1.40	1,900,168	1,419,957	1,370,333
VSH	HOSE	206.2	3,609.22	1.74%	17.5	17.76	1.37	1,911,579	1,251,628	1,173,035
CSM	HOSE	67.3	2,853.18	1.64%	42.4	8.07	2.39	956,290	872,081	875,481
KBC	HOSE	289.8	3,766.89	1.48%	13.0	53.16	0.95	2,216,438	1,806,772	1,487,558
DRC	HOSE	83.1	3,754.94	1.33%	45.2	10.00	2.72	536,220	440,093	424,597
PVT	HOSE	232.6	3,698.34	1.18%	15.9	15.74	1.34	3,587,441	2,976,915	2,619,005
DIG	HOSE	143.0	2,588.22	1.01%	18.1	59.74	1.15	1,257,174	975,089	949,964
OGC	HOSE	300.0	3,930.00	0.91%	13.1	38.32	1.24	6,148,889	4,562,096	3,038,684
PET	HOSE	69.8	1,501.60	0.87%	21.5	9.56	1.23	1,356,126	1,169,810	965,985

Công ty quản lý	**DB Platinum Advisors**	Ngày lập quỹ	**15/01/2008**	SLCKVN	**22/22**
Chỉ số tham chiếu	**FTST Vietnam Index**	Ngày lập chỉ số	**14/05/2007**	TGTTSQL	**361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
PVS	HNX	446.7	13,088.32	5.37%	29.3	8.06	1.61	5,455,506	3,804,293	2,837,563
VIC	HOSE	908.8	66,794.05	8.00%	73.5	9.99	4.65	731,629	498,710	323,333
VCB	HOSE	2,317.4	71,376.45	7.00%	30.8	16.38	1.68	1,264,919	1,093,289	1,078,498
BVH	HOSE	680.5	30,689.26	6.50%	45.1	28.50	2.58	705,063	615,642	547,467
DPM	HOSE	379.9	16,375.17	5.79%	43.1	7.45	1.77	905,688	782,458	761,006
STB	HOSE	1,142.5	22,735.98	4.26%	19.9	10.26	1.36	2,099,373	1,625,602	972,578
PVD	HOSE	275.3	22,846.42	3.22%	83.0	11.18	2.31	843,789	668,067	472,699
ITA	HOSE	718.1	7,252.56	3.73%	10.1	145.60	0.98	14,996,085	12,985,345	9,852,447
SHB	HNX	886.1	9,835.53	2.86%	11.1	13.34	0.98	15,748,009	13,315,946	9,055,858
PPC	HOSE	318.2	7,444.82	1.58%	23.4	4.64	1.40	1,900,168	1,419,957	1,370,333
OGC	HOSE	300.0	3,930.00	2.33%	13.1	38.32	1.24	6,148,889	4,562,096	3,038,684
GMD	HOSE	114.4	3,913.22	1.62%	34.2	28.62	0.89	740,389	567,118	507,190
MSN	HOSE	734.9	71,286.40	8.00%	97.0	162.75	4.89	1,118,139	687,367	397,596
HAG	HOSE	718.2	20,180.15	2.83%	28.1	20.41	1.56	5,811,523	5,360,832	4,417,180
DRC	HOSE	83.1	3,754.94	1.28%	45.2	10.00	2.72	536,220	440,093	424,597
VCG	HNX	441.7	7,199.88	3.58%	16.3	13.38	1.29	5,668,882	4,787,157	3,846,510
PVT	HOSE	232.6	3,698.34	2.05%	15.9	15.74	1.34	3,587,441	2,976,915	2,619,005

Công ty quản lý	**Van Eck Global**	Ngày lập quỹ	**08/11/2009**	SLCKVN	**17/27**
Chỉ số tham chiếu	**Market Vector Vietnam Index**	Ngày lập chỉ số	**24/11/2008**	TGTTSQL	**439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
VIC	HOSE	908.8	66,794.05	0.00%	73.5	9.99	4.65	731,629	498,710	323,333
MSN	HOSE	734.9	71,286.40	0.00%	97.0	162.75	4.89	1,118,139	687,367	397,596
DPM	HOSE	379.9	16,375.17	0.00%	43.1	7.45	1.77	905,688	782,458	761,006
HAG	HOSE	718.2	20,180.15	0.00%	28.1	20.41	1.56	5,811,523	5,360,832	4,417,180
VCB	HOSE	2,317.4	71,376.45	0.00%	30.8	16.38	1.68	1,264,919	1,093,289	1,078,498
STB	HOSE	1,142.5	22,735.98	0.00%	19.9	10.26	1.36	2,099,373	1,625,602	972,578
BVH	HOSE	680.5	30,689.26	0.00%	45.1	28.50	2.58	705,063	615,642	547,467
CTG	HOSE	3,723.4	62,925.54	0.00%	16.9	9.40	1.18	1,531,173	1,326,188	1,190,365
GAS	HOSE	1,895.0	158,232.50	0.00%	83.5	12.62	4.67	235,761	261,725	438,021

Công ty quản lý	**Royal Bank of Scotland**	Ngày lập quỹ	**19/09/2011**	SLCKVN	**9/142**
Chỉ số tham chiếu	**MSCI Frontier Markets Index**	Ngày lập chỉ số	**30/11/2007**	TGTTSQL	**22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	71,286.40	0.81%	97.0	162.75	4.89	1,118,139	687,367	397,596
VIC	HOSE	908.8	66,794.05	0.55%	73.5	9.99	4.65	731,629	498,710	323,333
DPM	HOSE	379.9	16,375.17	0.26%	43.1	7.45	1.77	905,688	782,458	761,006
VCB	HOSE	2,317.4	71,376.45	0.20%	30.8	16.38	1.68	1,264,919	1,093,289	1,078,498
STB	HOSE	1,142.5	22,735.98	0.14%	19.9	10.26	1.36	2,099,373	1,625,602	972,578
BVH	HOSE	680.5	30,689.26	0.10%	45.1	28.50	2.58	705,063	615,642	547,467

Công ty quản lý	**iShares**	Ngày lập quỹ	**12/09/2012**	SLCKVN	**6/102**
Chỉ số tham chiếu	**MSCI Frontier 100 Index**	Ngày lập chỉ số	**30/11/2007**	TGTTSQL	**519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)

Công ty quản lý	**iShares**	Ngày lập quỹ		SLCKVN	
Chỉ số tham chiếu	**MSCI VN Investable Market Indx**	Ngày lập chỉ số	**01/12/2010**	TGTTSQL	**4,752.96 mil.**

Market Highlight

VietinBankSc

31 March 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,946	7.0	1.0	15.9%	10.2%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	23,861	8.0	1.8	24.3%	18.0%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,960	29.7	0.8	2.2%	1.7%
Sản xuất giấy	874	9.9	0.8	10.2%	5.0%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	35,412	18.3	2.0	17.5%	7.0%
Khai khoáng					
Khai thác than	2,089	5.0	1.0	18.8%	4.0%
Khai khoáng	12,699	46.8	4.8	3.6%	2.7%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	21,941	23.3	1.5	15.1%	8.7%
Xây dựng	34,957	- 44.8	1.3	0.9%	1.1%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,501	8.4	1.2	18.3%	9.8%
Công nghiệp phức hợp	499	5.4	1.0	20.4%	14.6%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,769	11.2	1.0	8.4%	4.5%
Thiết bị điện	2,016	- 15.7	0.8	-2.7%	-2.1%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	44	25.1	0.6	2.4%	1.6%
Máy công nghiệp	9,547	9.3	1.5	21.3%	12.8%
Vận tải					
Vận tải thủy	8,737	- 3.6	1.0	9.4%	1.0%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	9,889	13.1	1.6	17.2%	12.3%
Dịch vụ vận tải	5,387	10.5	1.4	15.5%	9.7%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	2,315	10.9	1.3	12.7%	4.5%
Đào tạo & Việc làm	255	59.3	0.7	3.5%	1.5%
Nhà cung cấp thiết bị	213	9.3	0.9	10.7%	4.7%
Chất thải & Môi trường	134	2.3	0.7	36.8%	18.0%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,197	24.4	1.7	17.4%	8.3%
Lốp xe	7,249	9.0	2.5	30.0%	13.7%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,548	7.9	1.3	15.8%	9.5%
Vang & Rượu mạnh	243	11.2	1.8	17.4%	12.5%
Đồ uống & giải khát	257	7.0	1.3	15.1%	10.1%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	14,091	15.6	1.2	10.5%	5.1%
Thực phẩm	214,638	24.0	5.5	24.2%	18.2%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	74	145.7	0.9	0.6%	0.5%
Thiết bị gia dụng	2,510	8.8	1.1	13.5%	6.2%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	161	4.1	1.4	30.7%	21.1%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,129	8.5	1.5	17.8%	7.2%
Giầy dép	6	1.9	0.2	12.3%	6.3%
Hàng cá nhân	5,059	10.4	1.8	17.2%	9.2%
Thuốc lá					
Thuốc lá	753	- 6.0	1.1	-3.0%	3.1%

Market Highlight

VietinBankSc

31 March 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,006	23.2	1.1	5.1%	2.8%
Dụng cụ y tế	133	3.5	1.7	31.7%	12.5%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	158	10.2	1.0	10.0%	6.6%
Dược phẩm	16,513	13.3	3.5	26.8%	17.3%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	477	64.6	1.5	2.3%	0.7%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	676	17.2	1.1	12.4%	8.0%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,767	10.3	1.9	21.0%	3.3%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,115	8.7	1.0	13.5%	8.8%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	165	7.2	3.1	52.7%	27.1%
Khách sạn	6,815	37.2	2.8	7.7%	3.5%
Dịch vụ giải trí	1,999	18.7	1.5	13.6%	11.8%
Vận tải hành khách & Du lịch	1,268	21.4	2.4	17.1%	15.0%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	57	13.4	0.4	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	694	22.8	0.9	3.7%	1.3%
Internet	296	62.4	0.7	1.1%	0.2%
Phần mềm	19,735	12.1	2.7	23.6%	10.0%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	376	12.6	0.6	4.7%	1.7%
Thiết bị văn phòng	262	5.3	1.0	20.4%	14.9%
Thiết bị viễn thông	2,427	14.6	0.7	5.3%	4.0%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	23,574	7.8	1.3	18.6%	9.0%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	163,026	12.4	4.5	39.9%	25.2%
Nước	1,165	6.3	1.1	18.0%	12.9%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,347	11.2	0.9	8.1%	3.1%
Bảo hiểm phi nhân thọ	7,575	13.3	0.8	6.4%	3.3%
Tái bảo hiểm	3,136	10.4	1.3	12.7%	6.9%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	31,234	28.5	2.6	9.0%	2.2%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	4,050	38.3	1.2	3.2%	0.9%
Môi giới chứng khoán	28,806	26.8	1.6	6.9%	5.1%
Ngân hàng					
Ngân hàng	270,384	12.1	1.4	11.6%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	155,589	15.7	3.0	27.8%	6.0%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	5	155.0	0.5	0.3%	0.1%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	38,011	9.9	2.0	21.6%	8.3%

P/E: PE 4 quý gần nhất I **P/B**: Hệ số giá / Giá trị sổ sách I **ROE**: Lãi ròng / Vốn CSH I **ROA**: Lãi ròng / Tổng tài sản

- **Nguyễn Hữu Quang** — **Giám đốc Tư vấn Đầu tư**
  quangnh@vietinbanksc.com.vn

- **Nguyễn Quang Sắc** — sacnq@vietinbanksc.com.vn
  - Tổng hợp thông tin vĩ mô
  - Phân tích kỹ thuật
  - Nhận định, bình luận thị trường

- **Nguyễn Thu Hằng** — hangntt@vietinbanksc.com.vn
  - Ngân hàng
  - Thép và sản phẩm thép
  - Dược phẩm

- **Nguyễn Hoài Nam** — namnh@vietinbanksc.com.vn
  - Sản phẩm hóa dầu
  - Phân phối xăng dầu, khí đốt
  - Thiết bị và dịch vụ dầu khí

- **Vũ Ánh Nguyệt** — nguyetva@vietinbanksc.com.vn
  - Nhựa, cao su, sợi
  - Thực phẩm
  - Nuôi trồng nông và hải sản

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.